TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2020
V/v "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chúc và bà Phan Thị Nhụ

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Hòa - Thư ký TAND huyện QV

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV, tỉnh BN tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Thị Kim Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QV, Tỉnh BN mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thụ lý số 18/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 05a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên toà số 07a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1991 *(có mặt)*

HKTT: Thôn DD, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN

STQ: Thôn CH, xã HM, huyện TT, tỉnh BN.

- ***Bị đơn***: Anh Mai Văn Phong, sinh năm 1993 *(vắng mặt)*

STQ: Thôn DD, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D trình bày: Chị và anh Mai Văn Phong được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương ngày 21/11/2015. Trước khi cưới, anh chị có được tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã ĐV cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống cùng nhau hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, anh Phong không tu chí làm ăn, cờ bạc, nợ nần nhiều. Chị cùng gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Phong không sửa đổi. Ngoài ra, trong thời gian chung sống, chị cũng nhiều lần phát hiện anh Phong có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị dần không còn lòng tin, sự tôn trọng và tình cảm dành cho anh Phong. Tuy nhiên, vì con chung và gia đình nên chị vẫn cố gắng để hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Đến giữa tháng 11/2019, mâu thuẫn vợ chồng càng trở lên trầm trọng nên chị đã đưa con về nhà đẻ ở huyện TT, tỉnh BN sinh sống. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân và không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn Phong.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có sinh được 01 con chung là Mai Nguyễn Nhã Phương, sinh ngày18/9/2016. Hiện con chung đang do chị nuôi dưỡng, chăn sóc. Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Phong phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Chị xác nhận, trong thời gian chung, vợ chồng không tạo lập được khối tài sản chung nào nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2020, bị đơn là anh Mai Văn Phong trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kim D được tự nguyện tìm hiểu và có kết hôn hợp pháp tại UBND xã ĐV. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng bình thường. Trong 04 năm chung sống, vợ chồng cũng khá nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh đi làm xa nên phát sinh việc chị D ghen tuông và bản thân anh cũng vậy. Nay chị D làm đơn xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Anh mong muốn vì con mà cả hai về đoàn tụ nên anh không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị D.

- Về con chung: Vợ chồng có sinh được 01 con chung là Mai Nguyễn Nhã Phương, sinh ngày 28/9/2016. Hiện con chung đang do chị D nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu buộc phải ly hôn, anh đồng ý để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Cấp dưỡng nuôi con, anh đề nghị được tự thoả thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên toà hôm nay, anh Phong vắng mặt nhưng chị Nguyễn Thị Kim D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Mai Văn Phong và nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung.

Đại diện VKSND huyện QV tham gia phiên toà nhận xét:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai bằng lời nói và liên tục.

Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Mai Văn Phong.

Con chung: Giao con chung là cháu Mai Nguyễn Nhã Phương, sinh ngày 28/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được giao giấy triệu tập phiên toà hợp lệ lần 2 nhưng anh Phong vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Mai Văn Phong kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã ĐV cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/11/2015 tại quyển số 01/2015, việc kết hôn đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo theo quy định của pháp luật, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình giải quyết chị D cho rằng, nguyên nhân do anh Phong chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Ngoài ra, anh Phong không chung thủy và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Sự việc diễn ra nhiều lần và anh Phong cũng hứa sửa đổi nhưng đến nay anh Phong không thực hiện được làm cho chị không còn lòng tin và tình cảm vợ chồng dần không còn. Tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh Phong cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật, hiện vợ chồng sống ly thân, trong thời gian sống ly thân thì cả hai cũng không có biện pháp để đoàn tụ. Mặc dù, anh Phong không đồng ý ly hôn nhưng trên thực tế quan hệ hôn nhân giữa anh Phong và chị D đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài và được cả hai bên thừa nhận, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Phong đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị D là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Con chung: Vợ chồng có sinh được 01 con chung là Mai Nguyễn Nhã Phương, sinh ngày 28/9/2016. Hiện con chung đang do chị D chăm sóc và nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và nếu buộc phải ly hôn thì anh Phong cũng đồng ý để chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phương. Xét ý kiến và nguyện vọng của các bên đương sự cùng với thực tế nuôi dưỡng, cần giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con: Do chị D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề cập giải quyết.

- Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Mai Văn Phong.

Con chung: Giao con chung là Mai Nguyễn Nhã Phương, sinh ngày 28/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh Phong có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh Phong thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000800 ngày 09/12/2019 của Chi cục THA dân sự huyện QV, tỉnh BN.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BN;
- VKSND huyện QV;
- Chi cục THA huyện QV;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên